

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ4 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230672011-801 - C ĩ thuy t H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010342	35CCĐ4	Phan V ã An	05/09/1993				7.5			7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
2	3471010017	34CLC-CD	Ph m V ã B c	23/09/1992				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
3	3571010690	35CCĐ2	Nguy n Kh ã nh Bĩnh	08/12/1993				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
4	3571010191	35CCĐ4	ñ ĩnh Xu ^a n C nh	07/05/1991				7.5			7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
5	3571011622	35CCĐ7	Nguy n M nh Cĩng	05/11/1993				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
6	3371010052	34CCD6	Nguy n Ng c C ng	09/02/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	3571011831	35CCĐ4	L U QUANG CH NH	30/09/1982				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ã ĩnh Chung	11/09/1992				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
9	3575010153	35CXD3	Nguy n Tu n Duy	02/02/1993				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
10	3471010085	34CCD4	Ph m V ã ã t	30/07/1991				7.5			7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
11	3575011356	35CXD5	Nguy n H i ã ĩng	25/08/1993				6.5			6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
12	3471010087	34CCD1	D ng T ã ĩ m	24/02/1991				0.0			0.0	0.0	7.0	4.9	4.9	
13	3474010015	34COT2	Tr n ã c ã c	30/10/1992				4.5			4.5	1.4	0.0	0.0	1.4	
14	3474010020	34COT2	Nguy n Th ĩ n	03/09/1992				6.5			6.5	2.0	3.8	2.7	4.6	
15	3571010199	35CCĐ4	Vĩ Minh ĩ u	20/08/1992				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
16	3575011335	35CXD6	D ng Ch ^í B o Huy	11/07/1993				6.5			6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
17	3575010824	35CXD1	ñ ĩ V ã H ng	06/09/1991				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
18	3571011206	35CCĐ5	Tri u V ã H u	25/03/1992				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
19	3571010750	35CCĐ1	Tr n H Tr ng Kha	01/10/1993				7.0			7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 35CCĐ4 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230672011-801 - C ĩ thuy t H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3474010025	34COT2	Nguy n Nh Khanh	09/05/1992				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
21	3474010026	34COT2	Phan Duy Khanh	10/09/1992				5.0			5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
22	3471010166	34CCD5	ñ � Duy	20/10/1992				4.5			4.5	1.4	5.5	3.9	5.2	
23	3575010701	35CLC1-DD	Nguy n Duy Kh �nh	20/03/1993				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
24	3471010161	34CCD7	Nguy n Th��nh	02/07/1991				10.0			10.0	3.0	7.0	4.9	7.9	
25	3571011173	35CCĐ5	Nguy n Phi Kh ng	22/05/1993				9.5			9.5	2.9	7.0	4.9	7.8	
26	3474010028	34COT1	Nguy n Ng c L��m	25/03/1992				4.0			4.0	1.2	4.3	3.0	4.2	
27	3471010182	34CCD4	VH���n Anh Li��m	16/08/1992				7.0			7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
28	3471010189	34CCD7	L ng B o Long	30/03/1992				9.0			9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
29	3575010970	35CXD5	Nguy n Th��nh Long	03/06/1993				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
30	3471010197	34CCD5	Tr n �� i L c	17/05/1992				7.5			7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
31	3471010199	34CCD3	Nguy n Minh Lu��n	31/05/1992				5.0			5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
32	3471010202	34CCD7	H��Th L c	28/12/1992				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
33	3571011187	35CCĐ5	Phan V����n	04/03/1993				9.5			9.5	2.9	6.5	4.6	7.4	
34	3571010018	35CCĐ3	Ng�� V����n	14/01/1992				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
35	3471010207	34CLC-CD	Tr nh �� c M nh	22/09/1991				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
36	3471010210	34CLC-CD	H��nh Quang Minh	11/08/1992				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
37	3571010754	35CCĐ1	L�� Ho��i Nam	07/04/1993				4.0			4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	
38	3474010040	34COT1	�������� Hi u Ngh����	09/10/1992				6.0			6.0	1.8	1.5	1.1	2.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CC ấ 4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230672011-801 - C ấ thuy t H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010225	34CC ấ 4	Châu Minh	Ng c	05/12/1992				4.5			4.5	1.4	3.5	2.5	3.8	
40	3571010246	35CC ấ 3	Tr n	Nh n	02/08/1993				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
41	3475010189	34CX ấ 6	Tr n Trung	Phi	20/10/1991				8.0			8.0	2.4	5.3	3.7	6.1	
42	3471010243	34CLC- ấ ấ	H Thanh	Phong	07/04/1992				10.0			10.0	3.0	7.0	4.9	7.9	
43	3571011184	35CC ấ 5	L ấ H ng	Phong	20/09/1993				10.0			10.0	3.0	7.0	4.9	7.9	
44	3571011613	35CC ấ 5	L u Thanh	Phong	01/01/1993				7.0			7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
45	3575010173	35CX ấ 3	L ấ Qu c	Phong	31/10/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
46	3571011409	35CC ấ 6	Ph m V ấ	Phong	08/04/1991				6.5			6.5	2.0	7.8	5.5	7.4	
47	3471010252	34CLC- ấ ấ	Tr nh V ấ h Ho ấ	Phúc	14/10/1992				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
48	3471010245	34CC ấ 7	Nguy n Ng c Anh	Ph ng	08/09/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
49	3474010054	34COT1	Tr n V ấ	Ph ng	16/03/1988				6.5			6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
50	3575011618	35CX ấ 6	V ấ ấ Di p Vi t	Ph ng	08/01/1993				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
51	3474010055	34COT1	Phan Phú	Ph c	12/09/1992				9.0			9.0	2.7	4.8	3.4	6.1	
52	3575010721	35CLC1- ấ ấ	Nguy n Ho ấ	Quân	15/09/1993				7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
53	3575010510	35CX ấ 4	Nguy n Ng c	Qu c	02/02/1993				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
54	3471010270	34CC ấ 2	ấ Thanh	S n	27/01/1992				7.0			7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
55	3571010028	35CC ấ 3	Tr n Xu ấ n	S n	22/02/1993				7.0			7.0	2.1	0.5	0.4	2.5	
56	3571011499	35CC ấ 7	Nguy n Anh	Tài	26/02/1991				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
57	3551010060	35CC ấ 6	Ph ấ ng Kh c Anh	Tài	21/05/1993				5.5			5.5	1.7	4.8	3.4	5.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230672011-801 - C ấ thuy t H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3471010274	34CCD5	Phan Ng c Minh	Tâm	22/07/1992				7.0			7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
59	3474010079	34COT1	L ấ nh Nam	Ti n	08/03/1992				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
60	3471010338	34CCD3	Nguy n Minh	Ti n	09/02/1992				5.0			5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
61	3571011607	35CCĐ7	H L ấ Minh	Tín	24/07/1993				5.0			5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
62	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng	Tín	30/12/1993				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
63	3571010321	35CCĐ4	Tr n Minh	Tuân	24/05/1992				6.0			6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	
64	3571010004	35CLC1-CĐ	Ph m Minh	Tu n	29/07/1993				6.0			6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
65	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh	Tùng	11/01/1993				4.5			4.5	1.4	3.8	2.7	4.0	
66	3571011657	35CCĐ7	ấ ấ Ng c	Tú	16/06/1993				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
67	3575010835	35CXD1	Lê Minh	T ng	15/05/1992				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
68	3571010720	35CLC1-CĐ	Cao V ấ	Thanh	01/05/1993				9.5			9.5	2.9	6.8	4.8	7.6	
69	3571010552	35CCĐ5	Nguy n Trung	Thành	18/07/1992				6.5			6.5	2.0	6.3	4.4	6.4	
70	3571010349	35CCĐ4	Phan Công	Thành	/ /1993				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
71	3575010772	35CXD1	Tr nh Xu ấ n	Thành	08/04/1993				5.5			5.5	1.7	5.8	4.1	5.7	
72	3471010295	34CCD5	Tr n Qu c	Th nh	06/12/1990				6.5			6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
73	3575010776	35CXD1	B ấ i Ng c	Th ng	14/12/1992				7.0			7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
74	3475010247	34CLC-DD1	Lê Minh	Th ng	03/06/1991				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
75	3575010470	35CXD4	V ấ Ng c	Th ng	02/04/1993				1.5			1.5	0.5	3.5	2.5	2.9	
76	3475010281	34CXD5	Nguy n Ph c	Th nh	02/06/1992				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 35CCĐ4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230672011-801 - C ấ thuy t H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS : 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571010050	35CCĐ3	Tr n Qu c	Th nh	06/02/1993				7.0			7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
78	3571011690	35CLC1-CĐ	Tr n Tĩ n	Th nh	26/06/1993				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
79	3471010321	34CCD1	Hu ấ nh Ng c	Thu n	04/05/1991				6.5			6.5	2.0	6.3	4.4	6.4	
80	3471010327	34CCD2	Ph m ấ nh	Thu	07/11/1992				6.0			6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
81	3571010723	35CLC1-CĐ	Y 2 n V ấ	V ấ nh	18/07/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
82	3571010659	35CCĐ1	Lê Minh	V ng	10/04/1992				5.5			5.5	1.7	3.8	2.7	4.3	

T ng s : 82 h c sinh sinh vi 2 n
Tr ng Khoa Gi ồ Vĩ 2 n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ồ V Khoa